

**CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG BOSTICK**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG BOSTICK

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BOSTICK CONSTRUCTION TECHNOLOGY COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: BOSTICK CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110497948

**3. Ngày thành lập:** 05/10/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Văn Quang, Xã Nghĩa Hương, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0789302222

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                         | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                             | 4322        |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                    | 4329        |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                    | 4330        |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                               | 4390        |
| 5.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ vàng)                                                                                                                    | 4662        |
| 6.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                           | 4663        |
| 7.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết : Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp)<br>Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh | 4669(Chính) |
| 8.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                               | 8299        |
| 9.  | Quảng cáo (trừ quảng cáo thuốc lá)                                                                                                                                | 7310        |
| 10. | Cửa, xe, bảo gỗ và bảo quản gỗ                                                                                                                                    | 1610        |
| 11. | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                                                                                                 | 1621        |
| 12. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                           | 1622        |
| 13. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện                                                                          | 1629        |
| 14. | In ấn                                                                                                                                                             | 1811        |
| 15. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                          | 1812        |
| 16. | Sản xuất hoá chất cơ bản                                                                                                                                          | 2011        |

|     |                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 17. | Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh                                                                                                                    | 2013 |
| 18. | Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít                                                                                          | 2022 |
| 19. | Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                  | 2029 |
| 20. | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét                                                                                                                                   | 2392 |
| 21. | Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao                                                                                                                                      | 2394 |
| 22. | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao                                                                                                       | 2395 |
| 23. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                        | 5610 |
| 24. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                | 5621 |
| 25. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                    | 5629 |
| 26. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                 | 5630 |
| 27. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                           | 3100 |
| 28. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                       | 4101 |
| 29. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                 | 4102 |
| 30. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                           | 4211 |
| 31. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                            | 4212 |
| 32. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                | 4221 |
| 33. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                     | 4222 |
| 34. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                      | 4223 |
| 35. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                       | 4229 |
| 36. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                | 4291 |
| 37. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                         | 4292 |
| 38. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                   | 4293 |
| 39. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                              | 4299 |
| 40. | Phá dỡ<br>(loại trừ hoạt động sử dụng bom, mìn)                                                                                                                         | 4311 |
| 41. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(loại trừ hoạt động sử dụng bom, mìn)                                                                                                              | 4312 |
| 42. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                   | 4321 |
| 43. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4752 |
| 44. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                             | 4753 |
| 45. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |
| 46. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ bán lẻ vàng miếng, súng, đạn, tem và tiền kim khí )                                                       | 4773 |

**6. Vốn điều lệ:** 4.500.000.000 VNĐ

Giới tính: *Nam*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001087012013

Địa chỉ thường trú: *Xóm 3, thôn Văn Khê, Xã Nghĩa Hương, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Xóm 3, thôn Văn Khê, Xã Nghĩa Hương, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: 21/11/1987      Dân tộc: Kinh      Quốc tịch: Việt Nam

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001087012013

Địa chỉ thường trú: *Xóm 3, thôn Văn Khê, Xã Nghĩa Hương, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Xóm 3, thôn Văn Khê, Xã Nghĩa Hương, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội